TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2023/HC-ST Ngày: 30-8-2023 V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân;
2. Ông Võ Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Ông Đào Văn Tiền-Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 14/2016/TLST-HC ngày 10 tháng 5 năm 2016 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2023/QĐXXST-HC ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/2023/QĐST-HC ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1953;

Địa chỉ: Số A Tỉnh lộ 8, ấp C, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Nguyễn Lữ H, sinh năm: 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Số C H, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân huyện C;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: Số G Tỉnh lộ 8, khu phố G, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Thanh H1, sinh năm: 1979-Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1977-Phó Chủ tịch (Xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1977. Chức vụ: Phó Trưởng ban Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng huyện C (Có mặt);

- Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1975. Chức vụ: Chuyên viên Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng huyện C (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện vụ án hành chính nộp ngày 21/3/2016, đơn sửa chữa, bổ sung yêu cầu khởi kiện nộp ngày 09/6/2016, đơn sửa đổi, bổ sung và xác định các yêu cầu khởi kiện ngày 09/11/2018 và tại phiên tòa, người khởi kiện là ông Phạm Văn D- có người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Nguyễn Lữ H trình bày:*

Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1953 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 47 QSDĐ, ngày 06/12/2000 đối với phần đất có diện tích 7.694m^2, thuộc các thửa 5, 668, 669, 676, 670, 194, tờ bản đồ số 1, cập nhật biến động vào các ngày 24/10/2002, 02/11/2005, 29/5/2009 và 07/3/2016 (cụ thể là vào ngày 24/10/2002 bị thu hồi 1.275m^2 thuộc thửa đất số 194, ngày 29/5/2009 bị thu hồi 4.344m^2 thuộc các thửa 668, 669, 676, 670 và ngày 07/3/2016 bị thu hồi 121m^2 thuộc một phần thửa số 5 (theo tài liệu 02) và là thửa số 12-1, @ đường, tờ bản đồ số 17 (theo tài liệu năm 2003).

Ngày 24/12/2012, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định về việc thu hồi đất số 11562/QĐ-UBND thu hồi 122m^2 đất thuộc thửa đất số 12-1, @ đường, tờ bản đồ số 17 (theo tài liệu năm 2003) của ông D để đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Tỉnh lộ 8 (đoạn từ Khu công nghiệp Đ đến Tỉnh lộ 9), huyện C.

Ngày 24/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND bồi thường cho ông D tổng số tiền là: 603.251.240đ, gồm:

- Hỗ trợ đất ở mặt tiền Tỉnh lộ 8 (do chuyển mục đích sử dụng làm nhà ở trước 15/10/1993): 44,7m^2 x 6.500.000đ/m^2 = 290.550.000đ.

- Bồi thường, hỗ trợ đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở mặt tiền Tỉnh lộ 8: 77,3m^2 x 2.975.000đ/m^2 = 229.967.500đ.

- Cây cối, hoa màu: 2.585.900đ.

- Nhà cửa: 71.360.000đ.

- Bồi thường tài sản khác: 8.787.840đ.

Ngày 31/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 10262/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 11562/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Tỉnh lộ 8 (đoạn từ Khu công nghiệp Đ đến Tỉnh lộ 9),

huyện C đối với ông D từ thu hồi 122m^2 đất thuộc thửa 12-1, @ đường, tờ bản đồ số 17 (theo tài liệu đo đạc 2003 thành thu hồi 198,4m^2 đất thuộc một phần thửa 12, @ đường, tờ bản đồ số 17 (theo tài liệu đo đạc 2003), loại đất trồng cây lâu năm, Bộ địa chính xã B, huyện C.

Ngày 22/01/2016, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND bồi thường bổ sung cho ông D số tiền: 61.297.362,60đ, gồm: Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư mặt tiền Tỉnh lộ 8: 76,4m^2 x 802.321,5đ/m^2 = 61.297.362,60đ.

Quá trình thu hồi đất, thu hồi đất bổ sung và bồi thường, Ủy ban nhân dân huyện C không niêm yết công khai Phương án về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 8466/PABT ngày 05/12/2012 của Hội đồng Bồi thường-Giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Tỉnh lộ 8 nên đã tùy tiện ban hành việc bồi thường, hỗ trợ áp giá đất không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy ông Phạm Văn D khiếu kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết các yêu cầu sau:

1. Tuyên bố hành vi hành chính áp giá đất nông nghiệp trong khu dân cư với đơn giá 802.321,5đ/m^2 của Ủy ban nhân dân huyện C là sai quy định, buộc Ủy ban nhân dân huyện C xem xét bồi thường bổ sung theo đơn giá 2.975.000đ/m^2 đối với phần đất bị thu hồi có diện tích 76,4m^2 cho ông D theo loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm xen kẽ trong khu dân cư theo Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016.

2. Tuyên bố hành vi hành chính không công khai, minh bạch Phương án về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 8466/PABT ngày 05/12/2012 là trái pháp luật.

3. Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C không thực hiện chi trả tiền lãi suất Ngân hàng tại Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 và Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 là vi phạm pháp luật (do phải tính lãi suất phát sinh từ thời điểm thông qua Phương án bồi thường cho đến ngày nhận tiền) và không đúng quy định tại Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

4. Tuyên bố hành vi hành chính ban hành Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 và Quyết định về việc điều chỉnh Quyết định số 11562/QĐ-UBND số 10262/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 là trái pháp luật, không đúng thời hạn quy định tại Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

5. Hủy văn bản số 5080/UBND-TTH ngày 07/7/2014 của Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại số 6405/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

6. Tuyên bố hành vi hành chính khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Ủy ban nhân dân huyện C qua việc tự ý đo vẽ tách cùng một khu đất (thổ + vườn) liền thửa thành hai (2) loại đất khác nhau để áp giá bồi thường (đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở) là vi phạm pháp luật.

7. Tuyên bố việc Ủy ban nhân dân huyện C sử dụng Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 27/03/2011 (thể hiện trong Quyết định thu hồi đất số 11510/QĐ-UBND ngày 24/12/2012) để áp giá chiết tính bồi thường là hành vi hành chính áp đặt trái pháp luật.

8. Hủy Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 vì áp giá chiết tính đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư mặt tiền Tỉnh lộ 8 và Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 do không tính lãi suất Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của ông D xác định ông D xác định rút các yêu cầu khởi kiện số 2, 4, 5, 6, 7, giữ lại yêu cầu khởi kiện số 1, 3, 8, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông D rút một phần yêu cầu số 8 về việc yêu cầu hủy Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C. Cụ thể các yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết và căn cứ pháp lý chứng minh là:

1. Tuyên bố hành vi hành chính áp giá đất nông nghiệp trong khu dân cư với đơn giá 802.321,5đ/m^2 của Ủy ban nhân dân huyện C là sai quy định, buộc Ủy ban nhân dân huyện C xem xét bồi thường bổ sung theo đơn giá 2.975.000đ/m^2 đối với phần đất bị thu hồi có diện tích 76,4m^2 cho ông D theo loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm xen kẽ trong khu dân cư theo Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016.

Trước đây Ủy ban nhân dân huyện C dẫn việc thu hồi đối với phạm vi diện tích tính từ lề đường vào 03m mà không đền bù là dựa vào Thông báo số 12/TB-VP ngày 18/01/2012, Thông báo này là văn bản hành chính cá biệt thể hiện ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, trong đó tại:

- Mục 1 thể hiện *đất ở trung bình: 854.286 đồng/m^2;*
- Mục 2 thể hiện *chấp thuận xác định ranh giới bồi thường dự án xây dựng nâng cấp mở rộng Tỉnh lộ 8 (từ KCN Đ đến Tỉnh lộ 9) tính từ phần lề đường 3m trở vào bên trong đất các hộ dân giống như xác định ranh bồi thường của dự án đường dẫn vào cầu P.*

Điều 13 của Luật đất đai 2003 các loại đất được phân loại không thấy có quy định về khái niệm *đất ở trung bình* đang được áp dụng trong dự án này. Qua Biên bản trao Quyết định ngày 02/02/2016, ông D biết được hành vi hành chính trong việc Ủy ban nhân dân huyện C chủ trương bồi thường đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư được áp giá 802.321,5đ/m^2, trong khi đất nông nghiệp vườn, ao liền kề có giá 2.975.000đ/m^2 thể hiện trong Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013. Vì vậy cần phải làm rõ về khoản đất nông nghiệp

vườn, ao liền kề lại cao hơn giá trị gấp gần 04 lần đất nông nghiệp trong khu dân cư dẫn đến các hộ dân ảnh hưởng bởi dự án bị xâm phạm nghiêm trọng về quyền lợi. Lý do là toàn bộ các hộ dân phải được áp giá đất nông nghiệp trong khu dân cư để tính bồi thường bổ sung đối với phạm vi diện tích tính từ lề đường vào 03m. Tất cả các hộ dân bị ảnh hưởng đều thuộc mặt tiền Tỉnh lộ 8, do đó viện dẫn đất ở trung bình nhằm áp giá *đất nông nghiệp trong khu dân cư* (1) với công thức:

(*Đất nông nghiệp mặt tiền đường*) 375.000đ/m^2 + (*50% đất ở trung bình*) 854.643đ/m^2 = 802.321,5đ/m^2 427.321,5đ/m^2

cho thấy không đúng quy định. Chính xác là phải áp dụng đất ở mặt tiền Tỉnh lộ 8 tương tự công thức tính *đất nông nghiệp vườn, ao liền kề* (2) như sau:

(*Đất nông nghiệp mặt tiền đường*) 375.000đ/m^2 + (*40% đất ở*) 6.500.000đ/m^2 = 2.975.000đ/m^2 2.600.000đ/m^2

Khoản 1 Điều 21 của Nghị định số 69/2010/QĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ quy định hỗ trợ *đất nông nghiệp trong khu dân cư (1)* và *đất vườn ao không được công nhận là đất ở (2)* thì ngoài việc được bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 30%-70% giá đất ở của thửa đất đó… và Khoản 1 Điều 22 của Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/05/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định hỗ trợ *đất nông nghiệp trong khu dân cư (1)* và *đất vườn ao không được công nhận là đất ở (2)* thì ngoài việc được bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 40% giá đất ở của thửa đất đó theo đơn giá để tính bồi thường do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt… Như vậy, *đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư* (1) và *đất nông nghiệp vườn, ao liền kề* (2) được Chính phủ và Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định hỗ trợ cùng một khung giá. Ủy ban nhân dân huyện C cố ý sử dụng đất ở trung bình để áp giá bồi thường là vi phạm pháp luật.

Tại Công văn 513/HĐTĐBT ngày 04/08/2017 của Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố hướng dẫn cho Ủy ban huyện C như sau: *Đối với hiện trạng thực tế tuy là thửa đất đã được hợp thức hóa đất ở (cùng một thửa đất) nhưng lại không có nhà ở hiện hữu thì phần diện tích thu hồi thực hiện dự án nằm ngoài phần đất ở đã cấp GCN QSD đất đương nhiên được xác định là đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở (dù hiện nay không còn nhà ở).* Bản vẽ hiện trạng năm 2015 thể hiện thửa đường @ có diện tích đất ở bị thu hồi thì theo hướng dẫn của Công văn 513/HĐTĐBT ngoài phần đất ở đương nhiên diện tích còn lại của thửa đường @ được xác định là đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở. Ủy ban nhân dân huyện C áp giá đất nông nghiệp trong khu dân cư đối với diện tích còn lại của thửa đường @ là không đúng quy định. Ông D cung cấp thêm tài liệu chứng cứ để Hội đồng xét xử tham khảo trong vụ án của bà Võ Thị N đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết, tại vụ án này Ủy ban nhân dân huyện C đã chấp nhận bồi thường bổ sung theo đơn giá đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở theo Quyết định bồi thường bổ sung số 5999/QĐ-

UBND ngày 30/05/2018, mặc dù trước đây Ủy ban nhân dân huyện C không đồng ý bồi thường nên bị bà N khiếu nại.

2. Về yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C không thực hiện chi trả tiền lãi suất Ngân hàng tại Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 là vi phạm pháp luật (do phải tính lãi suất phát sinh từ thời điểm thông qua Phương án bồi thường cho đến ngày nhận tiền) và không đúng quy định tại Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Điều 93 của Luật Đất đai năm 2013 quy định cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi theo phương án bồi thường đã được phê duyệt phải thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành.

Khoản 1 Khoản 3 Điều 58 của Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ về thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư: *"Sau 05 (Năm) ngày, kể từ ngày gửi văn bản thông báo về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến người có đất bị thu hồi, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ. Trường hợp người được bồi thường, hỗ trợ ủy quyền cho người khác nhận thay thì người được bồi thường, hỗ trợ phải làm giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật. Trường hợp người bị thu hồi đất không nhận tiền chi trả về bồi thường, hỗ trợ, không nhận nhà hoặc đất tái định cư thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển khoản tiền chi trả vào tài khoản riêng mở tại Ngân hàng và giữ nguyên nhà hoặc đất tái định cư để làm căn cứ cho việc giải quyết khiếu nại sau này (nếu có)".*

Kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng khi chưa chi trả cho người thụ hưởng (trước và sau thời điểm tháng 06/2013) đều được hướng dẫn gửi vào tài khoản ở ngân hàng theo Điều 46. Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/05/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định về số tiền bồi thường, hỗ trợ đã được xác định, giao tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng liên hệ với ngân hàng T để mở sổ tiền gửi tiết kiệm theo hình thức lãi suất bậc thang cho từng người bị thu hồi đất… Khi người bị thu hồi đất đồng ý nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thì tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập thủ tục chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ cộng với lãi suất phát sinh.

Công văn chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố H: Ngày 03/04/2013 Ủy ban nhân dân Thành phố H đã có công văn số 1552/UBNBD-ĐTMT hướng dẫn về giải ngân chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng cho các tổ chức, cá nhân qua Kho bạc Nhà nước Thành phố như sau: *"Đối với kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng các chủ đầu tư đã chuyển cho B bồi thường nhưng chưa chi trả cho người thụ hưởng mà đang còn gửi tại Ngân hàng: Chủ đầu tư và Ban bồi thường tiếp tục thực hiện chi trả hết số dư của từng dự án. Đến hết tháng 6/2013, B bồi thường chưa chi trả hết, thì các*

chủ đầu tư và Ban bồi thường lập Biên bản đối chiếu số dự của từng dự án và thực hiện chuyển tiền từ các Ngân hàng về tài khoản tiền gửi thanh toán vốn bồi thường giải phóng mặt bằng mở tại Kho bạc nhà nước thành phố (hoặc Kho bạc các quận, huyện). Đối với các trường hợp người bị thu hồi đất chưa đồng ý nhận tiền bồi thường tiếp tục thực hiện gửi tiền vào tài khoản mở tại Ngân hàng theo quy định tại Điều 46 Quyết định 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/05/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về Ban hành về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh".

3. Hủy Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 vì áp giá chiết tính đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư mặt tiền Tỉnh lộ 8 và không tính lãi suất Ngân hàng.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khiếu kiện này cũng giống như 02 yêu cầu khiếu kiện nêu trên.

** Tại Bản tường trình ngày 15/11/2018 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

Quá trình giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Tỉnh lộ 8 (đoạn từ Khu công nghiệp Đ đến Tỉnh lộ 9) huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Phạm Văn D, Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện như sau:

1. Thứ nhất, về cơ sở pháp lý thực hiện dự án:

Căn cứ Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/200 4của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ về Quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP, ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư; Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ T1 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND, ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 790/UBND-ĐTMT ngày 25/02/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về tách, tổ chức thực hiện đầu tư trước đoạn Tỉnh lộ 8 từ Tỉnh lộ 9 đến Khu công nghiệp Đ; Quyết định số 11807/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Tỉnh lộ 8 (đoạn từ Khu Công Nghiệp Đ đến Tỉnh lộ 9), huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và Biên bản họp Hội đồng số 944/BB-HĐTĐBT-KTĐ ngày 18/12/2012 của Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố.

2. Thứ hai, quá trình giải quyết bồi thường cho ông Phạm Văn D diễn ra như sau:

Trong Dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Tỉnh lộ 8 (đoạn từ Khu công nghiệp Đ đến Tỉnh lộ 9), ông D bị thu hồi 122m^2 đất thuộc thửa 12-1, @ đường, tờ bản đồ số 17 (theo tài liệu đo đạc 2003), loại đất trồng cây lâu năm, Bộ địa chính xã B, huyện C. Ngày 24/12/2012, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định về việc thu hồi đất số 11562/QĐ-UBND thu hồi 122m^2 đất của ông D để đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Tỉnh lộ 8 (đoạn từ Khu công nghiệp Đ đến Tỉnh lộ 9), huyện C. Ngày 24/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND bồi thường cho ông D tổng số tiền là: 603.251.240đ, gồm:

- Hỗ trợ đất ở mặt tiền Tỉnh lộ 8 (do chuyển mục đích sử dụng làm nhà ở trước 15/10/1993): 44,7m^2 x 6.500.000đ/m^2 = 290.550.000đ.

- Bồi thường, hỗ trợ đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở mặt tiền Tỉnh lộ 8: 77,3m^2 x 2.975.000đ/m^2 = 229.967.500đ.

- Cây cối, hoa màu: 2.585.900đ.

- Nhà cửa: 71.360.000đ.

- Bồi thường tài sản khác: 8.787.840đ.

Ngày 31/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 10262/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 11562/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư xây dựng công trình sửa chữa, nâng cấp Tỉnh lộ 8 (đoạn từ Khu công nghiệp Đ đến Tỉnh lộ 9), huyện C đối với ông D từ thu hồi 122m^2 đất thuộc thửa 12-1, @ đường, tờ bản đồ số 17 (theo tài liệu đo đạc 2003) thành thu hồi 198,4m^2 đất thuộc một phần thửa 12, @ đường, tờ bản đồ số 17 (theo tài liệu đo đạc 2003), loại đất trồng cây lâu năm, bộ địa chính xã B, huyện C. Ngày 22/01/2016, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND về bồi thường bổ sung cho ông D với số tiền: 61.297.362,60đ, gồm: Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư mặt tiền Tỉnh lộ 8: 76,4m^2 x 802.321,5đ/m^2 = 61.297.362,60đ.

Ông D đã nhận số tiền bồi thường 603.251.240đ vào ngày 02/02/2016 và nhận số tiền 61.297.362,60đ vào ngày 26/8/2016.

3. Thứ ba, đối với các khiếu kiện của ông Phạm Văn D:

3.1. Khiếu kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính áp giá đất nông nghiệp trong khu dân cư với đơn giá 802.321,5đ/m^2 của Ủy ban nhân dân huyện C là sai quy định. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C xem xét bồi thường bổ sung theo đơn giá 2.975.000đ/m^2 đối với phần đất bị thu hồi có diện tích 76,4m^2 cho ông D theo loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm xen kẽ trong khu dân cư theo Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016.

Căn cứ Mục 5.2, Khoản 5, Phần VI của Phương án số 8466/PABT ngày 05/12/2012 có quy định: *"Đơn giá bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp trong khu dân cư: Đất nông nghiệp trong khu dân cư trồng cây hàng năm và lâu năm vị trí mặt tiền đường Tỉnh lộ 8: 375.000đ/m^2 + (854.643đ/m^2 x 50%) = 802.321,5 đ/m^2"*. Như vậy việc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện chiết tính bồi thường, hỗ trợ cho ông D phần đất nông nghiệp trong khu dân cư theo đơn giá 802.321,5 đ/m^2 là đúng theo Phương án được phê duyệt. Việc ông D viện dẫn Công văn số 513/HĐTĐBT ngày 04/08/2017 của Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố là hiểu chưa đúng và đầy đủ theo tinh thần Công văn, cụ thể theo nội dung Công văn số 513/HĐTĐBT quy định như sau: *"Phần diện tích nằm ngoài phần diện tích 300m^2 đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (tại thời điểm cấp giấy chứng nhận có nhà ở)* ***và cùng một thửa với phần 300m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở*** *thì phần này đương nhiên được xác định là đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở (dù hiện nay không còn nhà ở)"*. Do phần đất của ông D bị thu hồi thuộc thửa đất "Thổ vườn", chưa được *cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở* và thuộc thửa đất @ đường nên việc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện chiết tính bồi thường, hỗ trợ cho ông D phần đất nông nghiệp trong khu dân cư theo đơn giá 802.321,5 đồng/m^2 là đúng quy định theo Phương án được phê duyệt. Việc ông D viện dẫn vụ việc của bà Võ Thị N để yêu cầu áp bồi thường theo đơn giá 2.975.000đ/m^2 thì ở vụ việc này, Ủy ban nhân dân huyện C có thực hiện chiết tính bồi thường, hỗ trợ cho bà N một phần đất bị ảnh hưởng bởi dự án theo loại đất *vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở*, tuy nhiên phần diện tích đất bổ sung này là ***cùng một thửa với phần 300m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở***, phần đất không cùng ***một thửa với phần 300m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở*** vẫn chỉ chiết tính bồi thường theo loại đất nông nghiệp trong khu dân cư trồng cây hàng năm và lâu năm vị trí mặt tiền đường Tỉnh lộ 8: 375.000đ/m^2 + (854.643đ/m^2 x 50%) = 802.321,5 đồng/m^2. Do đó việc ông D yêu cầu bồi thường bổ sung cho ông phần diện tích 76,4m^2 (phần đất @ đường này không nằm *cùng một thửa với phần 300m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở*) theo đơn giá 2.975.000 đồng/m^2 là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Hơn nữa khi Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường phần diện tích đất 122m^2 bị thu hồi cho ông D thì trong 122m^2 đất này có 19,8m^2 đất nằm trong thửa @ đường và nằm ngoài thửa 12 có nhà ở nhưng ông D được bồi thường theo đơn giá đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở là 2.975.000đ, việc bồi thường này là chưa phù hợp, cần phải điều chỉnh lại thành giá đất nông nghiệp trong khu dân cư trồng cây lâu năm và cây hàng năm vị trí mặt tiền đường Tỉnh lộ 8 là 802.321,5đ/m^2 theo quy định tại Mục 5.2, Khoản 5, Phần VI của Phương án số 8466/PABT ngày 05/12/2012 đã được Ủy ban nhân dân huyện C phê duyệt tại Quyết định số 11807/QĐ-UBND ngày 24/12/2012. Tuy nhiên do phần đất này dù nằm ngoài thửa đất số 12 có nhà ở và giữa thửa đất số 12 và phần @ đường không có ranh cụ thể, hiện trạng nằm trong cùng khuôn viên thửa số 12 có nhà ở nên Ban Bồi thường-Giải phóng mặt bằng huyện C

kiến nghị giữ nguyên giá bồi thường là 2.975.000đ/m^2, việc này là có lợi cho ông D nên ông D không thể cho rằng Ủy ban nhân dân huyện C áp giá sai quy định.

3.2. Khiếu kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C không thực hiện chi trả tiền lãi suất ngân hàng tại Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 là vi phạm pháp luật (do phải tính lãi suất phát sinh từ thời điểm thông qua Phương án bồi thường cho đến ngày nhận tiền) và không đúng quy định tại Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Ngày 03/03/2017, Ủy ban nhân dân huyện C đã có văn bản số 2259/UBND-BTGPMB về việc giải quyết chính sách đối với các trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có Phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 theo văn bản 2163/UBND-ĐTMT của Ủy ban nhân dân Thành phố H gửi Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố xin ý kiến hướng dẫn. Văn bản này đã được Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố chuyển cho Sở T2 có ý kiến và hướng dẫn giải quyết tại văn bản số 292/HĐTĐBT ngày 29/4/2017. Ngày 04/8/2017 Sở T2 có Công văn số 6196/STC-BVG đề nghị Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố hướng dẫn. Ngày 04/8/2017 Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố có Công văn số 513/HĐTĐBT về việc giải quyết khó khăn trong chiết tính bồi thường, hỗ trợ đối với các dự án bồi thường theo quy định ban hành kèm theo Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010. Tuy nhiên theo hướng dẫn tại Công văn số 513/HĐTĐBT thì việc xác định cách tính tiền lãi suất vẫn chưa rõ. Do đó Ủy ban nhân dân huyện C vẫn đang tiếp tục xin ý kiến hướng dẫn kỹ lại từ Hội đồng Thẩm định Bồi thường Thành phố, sau khi có hướng dẫn cụ thể, Ủy ban nhân dân huyện C sẽ thực hiện đúng theo quy định.

3.3. Khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 vì áp giá chiết tính đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư mặt tiền Tỉnh lộ 8 do không tính lãi suất Ngân hàng.

Việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 là đúng theo trình tự và thủ tục theo quy định nên về quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện C là vẫn giữ nguyên Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016, việc Ủy ban nhân dân huyện C không tính lãi suất Ngân hàng là do đang gặp vướng mắc, khó khăn như đã trình bày ở trên, sau khi có hướng dẫn cụ thể, Ủy ban nhân dân huyện C sẽ thực hiện đúng theo quy định.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:*

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2010:

+ Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền;

+ Tòa án cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định; tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử không đúng quy định tại Điều 117 của Luật Tố tụng hành chính năm 2010 nhưng việc vi phạm này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án;

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với các khiếu kiện người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đã rút và bác các khiếu kiện còn lại của người khởi kiện. Ghi nhận ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện C về trường hợp sẽ tiếp tục chi trả lãi chậm thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng chờ hướng dẫn cách chi trả cụ thể của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 21/3/2016, người khởi kiện khởi kiện các hành vi hành chính và các Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016, Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C, đây là loại khiếu kiện hành vi hành chính, quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 29 của Luật Tố tụng hành chính năm 2010.

[2] Về thời hiệu:

Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C được trao cho người khởi kiện vào ngày 02/02/2016; Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND được ban hành vào ngày 24/6/2013 nhưng đến ngày 02/02/2016 ông D mới nhận số tiền bồi thường là 603.251.240đ; các hành vi hành chính bị khiếu kiện xuất phát từ các Quyết định nêu trên nên người khởi kiện nộp đơn khởi kiện vào ngày

21/3/2016 là vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 104 của Luật Tố tụng hành chính năm 2010.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại Điều 158 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện như đã trình bày ở trên, căn cứ vào Điều 173 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

Đối với các yêu cầu khởi kiện còn lại:

[4.1] Xét về thẩm quyền:

Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 và Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C được Ủy ban nhân dân huyện C ban hành theo đúng quy định tại Điều 42, Điều 43 và Điều 44 của Luật Đất đai năm 2003.

[4.2] Xét về nội dung:

[4.2.1] *Khiếu kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính áp giá đất nông nghiệp trong khu dân cư với đơn giá 802.321,5đ/m^2 của Ủy ban nhân dân huyện C là sai quy định. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C xem xét bồi thường bổ sung theo đơn giá 2.975.000đ/m^2 đối với phần đất bị thu hồi có diện tích 76,4m^2 cho ông D theo loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm xen kẽ trong khu dân cư theo Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016.*

Hội đồng xét xử xét quyền sử dụng đất có diện tích 76,4m^2 thuộc một phần thửa 12, @ đường, tờ bản đồ số 17 (theo tài liệu năm 2003) nêu tại Quyết định số 10262/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 về việc điều chỉnh Quyết định số 11562/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 kèm theo Bảng tổng hợp số TL8M-064BS/BTH của Hội đồng bồi thường-Giải phóng mặt bằng dự án ngày 12/01/2016 đối với ông D được xác định là loại đất trồng cây lâu năm trong khu dân cư, *phần đất này là đất @ đường, không nằm trong phần đất được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,* căn cứ vào Công văn số 513/HĐTĐBT ngày 04/08/2017 của Hội đồng Thẩm định bồi thường Thành phố thì nội dung Công văn số 513/HĐTĐBT thể hiện như sau: *"Phần diện tích nằm ngoài phần diện tích 300m^2 đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở (tại thời điểm cấp giấy chứng nhận có nhà ở)* ***và cùng một thửa với phần 300m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở*** *thì phần này đương nhiên được xác định là đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở (dù hiện nay không còn nhà ở)"*, quyền sử dụng đất có diện tích 76,4m^2 của ông D bị ảnh hưởng thuộc thửa đất "Thổ vườn", chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

ở và thuộc thửa đất @ đường nên việc Ủy ban nhân dân huyện C thực hiện chiết tính bồi thường, hỗ trợ cho ông D phần đất nông nghiệp trong khu dân cư theo đơn giá 802.321,5 đồng/m^2 là đúng quy định Mục 5.2, Khoản 5, Phần VI của Phương án về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 8466/PABT ngày 05/12/2012, do đó việc người khởi kiện yêu cầu *"Tuyên bố hành vi hành chính áp giá đất nông nghiệp trong khu dân cư với đơn giá 802.321,5đ/m^2 của Ủy ban nhân dân huyện C là sai quy định và bồi thường bổ sung theo đơn giá 2.975.000đ/m^2..."* là không có cơ sở để chấp nhận.

[4.2.2] *Khiếu kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C không thực hiện chi trả tiền lãi suất ngân hàng tại Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 là vi phạm pháp luật (do phải tính lãi suất phát sinh từ thời điểm thông qua Phương án bồi thường cho đến ngày nhận tiền) và không đúng quy định tại Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.*

Hội đồng xét xử xét tại công văn số 2259/UBND-BTGPMB ngày 03/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C kiến nghị giải quyết chính sách về việc chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ có phương án được phê duyệt trước ngày 01/7/2014 theo công văn số 2163/UBND-ĐTMT ngày 21/4/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố H, công văn số 6196/STC-BVG ngày 04/8/2017 của Sở T2, văn bản số 292/HĐTĐTP ngày 29/4/2017 và công văn số 513/HĐTĐTP ngày 04/8/2017 của Hội đồng thẩm định Thành phố thì việc xác định cách tính tiền lãi suất bằng hình thức *"mở sổ tiết kiệm theo hình thức lãi suất bậc thang cho từng người bị thu hồi đất"* được đề nghị thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố tại công văn số 4650/UBND-ĐT ngày 26/7/2017, tuy nhiên tại công văn số 4650/UBND-ĐT ngày 26/7/2017 cũng chưa có nội dung hướng dẫn rõ sẽ thực hiện việc chi trả lãi suất như thế nào, hiện vẫn đang chờ hướng dẫn và sẽ thực hiện sau nên việc Ủy ban nhân dân huyện C chưa chi trả tiền lãi suất Ngân hàng tại Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ số 7862/QĐ-UBND ngày 05/08/2013 và Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ bổ sung số 9315/QĐ-UBND ngày 04/12/2015 là có lý do khách quan, không phải lỗi chủ quan của Ủy ban nhân dân huyện C, do đó *"Yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C không thực hiện chi trả tiền lãi suất ngân hàng tại Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 là vi phạm pháp luật..."* là không có cơ sở. Việc chi trả lãi suất sẽ tiếp tục được thực hiện ngay sau khi có hướng dẫn cụ thể của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện C tiếp tục có văn bản gửi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc chi trả lãi suất để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của những người dân có quyền sử dụng đất bị thu hồi.

[4.2.3] *Khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 vì áp giá chiết tính đất*

nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư mặt tiền Tỉnh lộ 8 và Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 vì không tính lãi suất Ngân hàng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện rút yêu cầu hủy Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013, việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C vì áp giá chiết tính đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư mặt tiền Tỉnh lộ 8 và không tính lãi suất Ngân hàng Hội đồng xét xử xét Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 là đúng theo trình tự và thủ tục, Ủy ban nhân dân huyện C cũng đã chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ cho người khởi kiện, việc Ủy ban nhân dân huyện C áp giá chiết tính đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư mặt tiền Tỉnh lộ 8 và chưa chi trả lãi suất là do đang chờ hướng dẫn cụ thể của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như đã nhận định tại mục **[4.2.1]** và **[4.2.2]** nên việc *"Yêu cầu hủy Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C vì áp giá chiết tính đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư mặt tiền Tỉnh lộ 8 và không tính lãi suất Ngân hàng"* là không có cơ sở để xem xét.

[5] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc Hội đồng xét xử vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án quy định tại Điều 117 của Luật Tố tụng hành chính năm 2010 là đúng, Hội đồng xét xử nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ các khiếu kiện đã rút và không chấp nhận yêu cầu khiếu kiện còn lại của người khởi kiện, xét đề nghị trên của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Phạm Văn D phải chịu án phí hành chính sơ thẩm đối với các khiếu kiện không được chấp nhận, tuy nhiên đến thời điểm xét xử, ông D là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi năm 2009 và có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 29 và Điều 104 của Luật Tố tụng hành chính năm 2010.

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 173, Điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 194 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác các yêu cầu khiếu kiện hành chính của người khởi kiện là ông Phạm Văn D, cụ thể là các khiếu kiện sau:

1.1. Tuyên bố hành vi hành chính áp giá đất nông nghiệp trong khu dân cư với đơn giá 802.321,5đ/m^2 của Ủy ban nhân dân huyện C là sai quy định, buộc Ủy ban nhân dân huyện C xem xét bồi thường bổ sung theo đơn giá 2.975.000đ/m^2 đối với phần đất bị thu hồi có diện tích 76,4m^2 cho ông D theo loại đất nông nghiệp trồng cây lâu năm xen kẽ trong khu dân cư theo Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016.

1.2. Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện C không thực hiện chi trả tiền lãi suất Ngân hàng tại Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 và Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 là vi phạm pháp luật (do phải tính lãi suất phát sinh từ thời điểm thông qua Phương án bồi thường cho đến ngày nhận tiền) và không đúng quy định tại Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

1.3. Hủy Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư bổ sung số 605/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 vì áp giá chiết tính đất nông nghiệp trồng cây lâu năm trong khu dân cư mặt tiền Tỉnh lộ 8 và không tính lãi suất Ngân hàng.

2. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu khiếu kiện của người khởi kiện là ông Phạm Văn D, gồm:

2.1. Yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính không công khai, minh bạch Phương án về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 8466/PABT ngày 05/12/2012 là trái pháp luật.

2.2. Yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính ban hành Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 và Quyết định về việc điều chỉnh Quyết định số 11562/QĐ-UBND số 10262/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 là trái pháp luật, không đúng thời hạn quy định tại Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

2.3. Yêu cầu hủy văn bản số 5080/UBND-TTH ngày 07/7/2014 của Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại số 6405/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C;

2.4. Yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ của Ủy ban nhân dân huyện C qua việc tự ý đo vẽ tách cùng một khu đất (thổ + vườn) liền thửa thành hai (2) loại đất khác nhau để áp giá bồi thường (đất nông nghiệp trong khu dân cư và đất vườn ao trong cùng thửa đất có nhà ở) là vi phạm pháp luật.

2.5. Yêu cầu tuyên bố việc Ủy ban nhân dân huyện C sử dụng Bản đồ hiện trạng vị trí lập ngày 27/03/2011 (thể hiện trong Quyết định thu hồi đất số 11510/QĐ-UBND ngày 24/12/2012) để áp giá chiết tính bồi thường là hành vi hành chính áp đặt trái pháp luật.

2.6. Yêu cầu hủy Quyết định về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư số 6117/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của Ủy ban nhân dân huyện C.

3. Án phí hành chính sơ thẩm:

H2 lại cho ông Phạm Văn D số tiền tạm ứng án phí là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0006234 ngày 10/5/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA